

Số: 22 / BC-QLCL

Đăk Lăk, ngày 20 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT (online)

Lấy ý kiến của Sinh viên năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp tại Trường, năm 2024

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Căn cứ Kế hoạch Khảo sát số 18/KH-QLCL ngày 01/10/2024 của Phòng Quản lý chất lượng về việc khảo sát lấy ý kiến của Sinh viên năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp tại Trường, năm 2024, đã được duyệt;

Phòng QLCL báo cáo kết quả khảo sát như sau:

1. Mục đích

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên (SV), hiểu rõ hơn tâm tư, nguyện vọng của người học các ngành trong quá trình đào tạo.
- Giúp cán bộ quản lý có cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo của Trường.
- Trường có căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo, các hoạt động giảng dạy của giảng viên, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.
- Để công khai điều kiện ĐBCLGD, công khai chất lượng đào tạo tới các bên liên quan, có số liệu, minh chứng phục vụ công tác BĐCLGD, tự đánh giá và đánh giá ngoài.
- Góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.
- SV hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu câu hỏi khảo sát do Trường thiết kế.
- Thông tin phản hồi từ SV được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

3. Thời gian thực hiện

Từ ngày 7 – 12 / 10 / 2024.

4. Đối tượng, phạm vi thực hiện

Sinh viên đại học hệ chính quy các ngành, các lớp năm cuối của các Khoa trong Trường. SV các lớp khóa 2019 với ngành Y khoa; SV khóa 2020 ngành Thú y; SV các lớp khóa 2021 đối với những ngành khác.

5. Nội dung khảo sát

- Có 20 câu hỏi được thu thập lấy ý kiến của Sinh viên năm cuối đánh giá về chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp tại Trường.
- Sự hài lòng của Sinh viên thể hiện ở 5 mức độ theo thang đo Likert: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**
- SV có thể nhận xét, góp ý, đề xuất thêm nội dung vào mục **Ý kiến khác.**

6. Phương pháp chọn mẫu, thu thập thông tin

- Sinh viên các ngành, các lớp năm cuối các Khoa trước khi tốt nghiệp tại Trường.
- Sử dụng Google forms và gửi đường link khảo sát online tới các lớp thông qua sự phối hợp với các Khoa, trợ lý Khoa, Cố vấn học tập và lớp Trưởng các lớp.
- Lưu trữ và xử lý dữ liệu, số liệu khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel 2019.
- Link khảo sát: <https://forms.gle/Wf46ZhzzZVJN1xi49>
- **Tỷ lệ hài lòng** là tổng số ý kiến “Rất hài lòng” và “Hài lòng” / Tổng số ý kiến. Mức độ 1 + 2 = Không hài lòng; Mức độ 3 = Bình thường; Mức độ 4 + 5 = Hài lòng.
- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm hài lòng trung bình (TB) của từng câu hỏi tính theo thang đo Likert.
- **Điểm số mức độ hài lòng được tính quy đổi** = $(\text{GTLN} - \text{GTNN})/5 = (5 - 1)/5 = 0.8$
 - + Từ 1.0 – 1.8: Rất không hài lòng
 - + Từ 1.9 – 2.6: Không hài lòng
 - + Từ 2.7 – 3.4: Bình thường
 - + Từ 3.5 – 4.2: Hài lòng
 - + Từ 4.3 – 5.0: Rất hài lòng

7. Kết quả khảo sát

Đã khảo sát được 752 SV của 43 lớp năm cuối trước khi tốt nghiệp, thuộc 34 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học của 8 Khoa trong Trường, gồm có:

STT	KHOA	Ngành / Lớp	Số SV đã khảo sát	Tỷ lệ (%)
1.	Y Dược	Y khoa 19A1, 19A2, 19A3, 19A4, 19A5	112	14.9
		Điều dưỡng 21		
		KT Xét nghiệm Y học 21		
2.	Nông Lâm nghiệp	Bảo vệ Thực vật 21	47	6.3
		Khoa học Cây trồng 21		
		Lâm sinh 21		
		Quản lý Đất đai 21		
		CN Thực phẩm 21		
3.	Kinh tế	Kinh tế NN 21	174	23.1
		Quản trị KD 21A, 21B		
		Kế toán 21A, 21B		
		Tài chính-Ngân hàng 21		
		Kế toán-Kiểm toán 21		
		Kinh tế 21A, 21B		
		Kinh doanh TM 21		
		Kinh tế phát triển 21		
4.	Sư phạm	SP Ngữ văn 21	96	12.8
		GD Thể chất 21		
		Văn học 21		
		GD Tiếng học 21		

STT	KHOA	Ngành / Lớp	Số SV đã khảo sát	Tỷ lệ (%)
		GD Tiếu học Jrai 21		
		GD Mầm non 21		
5.	Lý luận Chính trị	GD Chính trị 21	20	2.7
		Triết học 21		
6.	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh 21	121	16.1
		Ngôn ngữ Anh 21A, 21B		
7.	Chăn nuôi Thú y	Thú y 20A, 20B	70	9.2
		Chăn nuôi 21		
8.	Khoa học TN-CN	SP Toán 21	112	14.9
		SP Vật lý 21		
		Công nghệ Thông tin 21		
		SP Hóa học 21		
		SP Sinh học 21		
		Công nghệ Sinh học 21		
TỔNG	8	34 / 43	752	100.0

Sinh viên các ngành, các lớp năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp xếp theo từng Khoa như sau:

7.1. Khoa Y Dược

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	9.8	40.2	50.0	3.4
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	16.1	39.3	44.6	3.3
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	6.3	29.5	64.3	3.7
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	5.4	30.4	64.3	3.6
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	7.1	32.1	60.7	3.6
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	8.0	33.0	58.9	3.6
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	7.1	38.4	54.5	3.5
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	9.8	36.6	53.6	3.5
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	13.4	42.0	44.6	3.4
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	12.5	42.0	45.5	3.4
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	9.8	34.8	55.4	3.5

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	17.0	42.0	41.1	3.2
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	10.7	43.8	45.5	3.4
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	13.4	35.7	50.9	3.4
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	9.8	46.4	43.8	3.4
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	10.7	43.8	45.5	3.4
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	9.8	45.5	44.6	3.4
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	17.0	42.0	41.1	3.3
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	6.3	43.8	50.0	3.5
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	8.0	44.6	47.3	3.4
TRUNG BÌNH		10.4	39.3	50.3	3.4

* **Ý kiến khác:** Có 19.6% (22/112) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Cần đầu tư, nâng cấp chất lượng CSVC, trang thiết bị phòng học, phòng thực hành như bàn, ghế, màn hình, máy chiếu, rèm, quạt, âm thanh, ánh sáng, máy tính,...
- Mức thu học phí của SV ngành Y hiện nay khá cao. Học phí tăng cao nhưng chất lượng của hoạt động dạy học và CSVC phục vụ đào tạo chưa tương xứng.
 - Một số phòng thực hành cho SV ngành Y còn thiếu đồ dùng, dụng cụ, hóa chất.
 - Trường tạo điều kiện để SV ngành Xét nghiệm được đi bệnh viện thực hành, thực tập nhiều hơn.
- Một vài Giảng viên cần có thái độ lịch sự, tôn trọng SV trong quá trình giảng dạy. GV cần hướng dẫn và cung cấp tài liệu môn học cho SV đầy đủ hơn.
- Cần sắp xếp lịch học, lịch thực tập, đi lâm sàng và lịch thi cho SV ngành Y khoa hợp lý hơn, tăng thời gian đi thực tập lâm sàng. Điều chỉnh lịch trực của SV tại Bệnh viện phù hợp hơn.
- Cần đặt thêm nhiều thùng rác công cộng phân bố đều trong khuôn viên Trường để giữ vệ sinh được sạch sẽ hơn.
 - Các khoản trợ cấp, hỗ trợ cho SV cần giải quyết đúng hạn, nhanh hơn, không để SV chờ đợi mất thời gian quá lâu.
 - Trường nên tổ chức thêm các giải thi đấu, giao lưu thể thao, giải trí lành mạnh như bóng bàn, bóng đá, cầu lông,... giữa các Khoa để SV tham gia.

7.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	0.0	29.8	70.2	3.8
2.	Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	0.0	27.7	72.3	3.9
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	2.1	23.4	74.5	3.8
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	0.0	29.8	70.2	3.9
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	2.1	23.4	74.5	3.9
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	0.0	29.8	70.2	3.9
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	0.0	25.5	74.5	3.9
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	2.1	27.7	70.2	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	0.0	34.0	66.0	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	0.0	34.0	66.0	3.8
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	0.0	27.7	72.3	3.9
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	2.1	27.7	70.2	3.8
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	2.1	25.5	72.3	3.9
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	0.0	31.9	68.1	3.9
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	0.0	25.5	74.5	3.9
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	2.1	23.4	74.5	3.9
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	0.0	25.5	74.5	4.0
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	2.1	29.8	68.1	3.8
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	2.1	27.7	70.2	3.8
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	2.1	25.5	72.3	3.8
TRUNG BÌNH		1.0	27.7	71.3	3.9

* **Ý kiến khác:** Có 12.8% (6/47) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Các học phần có thực tập, Trường/Khoa nên tổ chức cho SV đi trải nghiệm nhiều hơn.
- Việc thông báo cho SV đóng học phí của Trường sớm quá, một số SV chuẩn bị chưa kịp vì hoàn cảnh gia đình còn khó khăn, Trường nên xem xét tạo điều kiện ưu tiên cho một số trường hợp này.
- Trường cần tiếp tục phát huy các hoạt động giáo dục, đào tạo để chất lượng ngày càng tốt hơn.

7.3. Khoa Kinh tế

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	3.4	29.3	67.2	3.8
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	6.3	29.9	63.8	3.7
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	4.6	24.7	70.7	3.9
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	5.2	23.0	71.8	3.8
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	6.9	23.6	69.5	3.8
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	3.4	24.1	72.4	3.9
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	5.7	22.4	71.8	3.8
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	4.0	23.6	72.4	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	10.3	31.0	58.6	3.6
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	5.7	29.9	64.4	3.8
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	4.0	23.6	72.4	3.9
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	5.7	26.4	67.8	3.8
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	4.6	25.3	70.1	3.9
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	5.7	25.9	68.4	3.8
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	5.2	26.4	68.4	3.8
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	6.3	26.4	67.2	3.8
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	3.4	27.0	69.5	3.8

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	6.3	28.7	64.9	3.7
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	4.0	29.3	66.7	3.8
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	3.4	25.9	70.7	3.8
TRUNG BÌNH		5.2	26.3	68.5	3.8

* **Ý kiến khác:** Có 13.2% (23/174) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Một vài giảng viên cần giảng dạy nhiệt tình hơn, quan tâm đến SV, hỗ trợ SV để truyền cảm hứng cho SV học tập và NCKH.
- Nhà giữ đồ xe còn bất tiện, thường hay bị kẹt xe cho SV gửi và lấy xe ra vào giờ cao điểm. Nhân viên giữ xe cần hòa nhã, lịch sự và tôn trọng SV.
- Cần sửa chữa một số đồ dùng, thiết bị trong phòng học bị hỏng như màn hình, máy chiếu, bàn, ghế, quạt, rèm cửa, âm thanh, ánh sáng,...
- Trung tâm Ngoại ngữ Tin học cần có các hoạt động cải tiến chất lượng như cập nhật danh sách thí sinh dự thi, cách đóng học phí qua phần mềm ứng dụng, kết quả thi của SV.
- Một số lớp khi đi kiểm tra học phần, nếu danh sách thay đổi, GV cần thông báo công khai cho lớp để SV biết sớm.
- Cần đầu tư, nâng cấp Thư viện Trường hiện đại, bổ sung thêm nhiều bài giảng, tài liệu chuyên ngành, sách chuyên khảo, học liệu điện tử phong phú cho Sinh viên tham khảo, học tập và NCKH. Nên mở cửa Thư viện nhiều hơn vào cả thứ bảy và chủ nhật cho SV mượn sách, học tập và nghiên cứu.
- Cần nâng cấp chất lượng mạng WIFI tại các giảng đường tốt hơn để SV sử dụng.

7.4. Khoa Sư phạm

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	2.1	28.1	69.8	3.9
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	3.1	24.0	72.9	3.9
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	2.1	22.9	75.0	3.9
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	3.1	22.9	74.0	3.9
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	3.1	22.9	74.0	3.9
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	3.1	25.0	71.9	3.9
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	3.1	24.0	72.9	3.9
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	5.2	22.9	71.9	3.9

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	3.1	27.1	69.8	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	3.1	28.1	68.8	3.8
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	3.1	28.1	68.8	3.8
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	3.1	26.0	70.8	3.9
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	3.1	25.0	71.9	3.9
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	2.1	31.3	66.7	3.8
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	2.1	27.1	70.8	3.9
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	4.2	26.0	69.8	3.8
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	4.2	25.0	70.8	3.9
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	3.1	28.1	68.8	3.9
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	3.1	25.0	71.9	3.9
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	2.1	26.0	71.9	3.9
TRUNG BÌNH		3.1	25.8	71.1	3.9

* **Ý kiến khác:** Có 11.5% (11/96) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Tài liệu của Thư viện quá ít. Cần đầu tư, nâng cấp Thư viện Trường hiện đại, bổ sung thêm nhiều bài giảng, tài liệu chuyên ngành, sách chuyên khảo, học liệu điện tử phong phú cho SV sử dụng.
- Việc thông báo đóng học phí sớm của Trường còn khó khăn đối với một số SV nghèo.
- Các học phần có thực tập, thực hành, Trường/Khoa nên tổ chức cho SV được đi trải nghiệm nhiều thời gian hơn.
- Một số học phần liên quan đến thực hành giảng dạy, GV nên cho SV nhiều thời gian hơn để chuẩn bị sẽ thu được kết quả tốt.

7.5. Khoa Lý luận Chính trị

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	0.0	25.0	75.0	3.9
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên,	0.0	20.0	80.0	4.0

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
	các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.				
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	0.0	15.0	85.0	4.0
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	0.0	20.0	80.0	4.0
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	0.0	20.0	80.0	4.0
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	0.0	20.0	80.0	4.0
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	0.0	25.0	75.0	4.0
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	0.0	20.0	80.0	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	0.0	30.0	70.0	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	0.0	15.0	85.0	4.1
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	0.0	15.0	85.0	4.0
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	0.0	15.0	85.0	4.0
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	0.0	15.0	85.0	4.0
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	0.0	15.0	85.0	4.0
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	0.0	15.0	85.0	4.0
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	0.0	10.0	90.0	4.0
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	0.0	15.0	85.0	4.0
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	0.0	15.0	85.0	3.9
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	0.0	10.0	90.0	4.0
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	0.0	10.0	90.0	4.1
TRUNG BÌNH		0.0	17.2	82.8	4.0

* **Ý kiến khác:** Có 10.0% (2/20) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.

- Giảng viên giảng dạy nhiệt tình, Cố vấn học tập thân thiện, hòa đồng, quan tâm đến SV các lớp, môi trường học tập rất tốt.

- Trường cần tiếp tục phát huy các hoạt động giáo dục, đào tạo để chất lượng ngày càng tốt hơn.

7.6. Khoa Ngoại ngữ

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	5.8	34.7	59.5	3.6
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	7.4	35.5	57.0	3.6
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	2.5	32.2	65.3	3.8
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	1.7	28.9	69.4	3.9
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	2.5	33.9	63.6	3.7
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	5.0	26.4	68.6	3.8
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	3.3	32.2	64.5	3.8
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	1.7	28.1	70.2	3.8
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	8.3	33.9	57.9	3.6
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	4.1	37.2	58.7	3.7
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	1.7	36.4	62.0	3.7
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	9.1	36.4	54.5	3.6
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	5.0	39.7	55.4	3.6
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	7.4	33.9	58.7	3.6
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	5.8	38.8	55.4	3.6
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	6.6	33.1	60.3	3.6
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	5.8	34.7	59.5	3.7
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	8.3	37.2	54.5	3.6
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	1.7	38.8	59.5	3.7
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	5.8	33.1	61.2	3.7
TRUNG BÌNH		5.0	34.2	60.8	3.7

* **Ý kiến khác:** Có 4.1% (5/121) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Cần sắp xếp lịch học, thời khóa biểu cho SV các lớp hợp lý hơn, khoa học hơn.
- Cần nâng cấp chất lượng mạng WIFI tại các giảng đường tốt hơn để SV sử dụng.
- Tăng thời gian thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho SV khoa Ngoại ngữ.

7.7. Khoa Chăn nuôi Thú y

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	2.9	30.0	67.1	3.9
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	2.9	28.6	68.6	3.9
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	1.4	28.6	70.0	4.0
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	1.4	27.1	71.4	4.0
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	1.4	25.7	72.9	4.0
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	1.4	27.1	71.4	4.0
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	2.9	25.7	71.4	3.9
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	4.3	24.3	71.4	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	7.1	28.6	64.3	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	8.6	25.7	65.7	3.8
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	4.3	27.1	68.6	3.9
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website, Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.	5.7	25.7	68.6	3.8
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	5.7	25.7	68.6	3.8
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	5.7	25.7	68.6	3.8
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	2.9	28.6	68.6	3.9
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	4.3	28.6	67.1	3.8
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	2.9	31.4	65.7	3.9
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	8.6	30.0	61.4	3.6
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của	2.9	34.3	62.9	3.8

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
	SV.				
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	5.7	35.7	58.6	3.7
TRUNG BÌNH		4.1	28.2	67.7	3.8

* **Ý kiến khác:** Có 17.1% (12/70) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Giảng viên giảng dạy nhiệt tình, Có vấn đề học tập thân thiện, hòa đồng, quan tâm đến SV các lớp, môi trường học tập rất tốt.
- Mức thu học phí của hiện nay khá cao. Học phí tăng cao nhưng chất lượng của hoạt động dạy học và CSVC phục vụ đào tạo chưa đáp ứng kịp nhu cầu thực tế.
- Cần đầu tư, nâng cấp chất lượng CSVC, trang thiết bị phòng học, phòng thực hành như bàn, ghế, màn hình, máy chiếu, rèm, quạt, âm thanh, ánh sáng, máy tính,...
- Trường nên tổ chức thêm các giải thi đấu, giao lưu thể thao, giải trí lành mạnh như bóng bàn, bóng đá, cầu lông,... giữa các Khoa để SV tham gia.
- Các học phần có thực tập, thực hành, Trường/Khoa nên tổ chức cho SV được đi trải nghiệm thực tế nhiều thời gian hơn.

7.8. Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng, được thông báo cho SV, đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV.	3.6	24.1	72.3	3.9
2.	Chương trình đào tạo được cập nhập thường xuyên, các môn học được sắp xếp phù hợp từng học kỳ.	3.6	24.1	72.3	3.9
3.	Giảng viên có trình độ rộng về chuyên môn giảng dạy, có phương pháp truyền đạt tốt, dễ hiểu.	5.4	22.3	72.3	3.9
4.	GV thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy, đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy.	4.5	18.8	76.8	3.9
5.	GV có thái độ gần gũi và thân thiện với sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với SV.	5.4	21.4	73.2	3.9
6.	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy-học tập và hình thức đánh giá kết quả học tập.	4.5	22.3	73.2	3.9
7.	GV đánh giá kết quả học tập của SV chính xác, khách quan và công bằng.	7.1	19.6	73.2	3.9
8.	Giáo trình và tài liệu học tập của các học phần được GV cung cấp đầy đủ cho SV.	4.5	20.5	75.0	3.9
9.	Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên, lớp học có số lượng sinh viên hợp lý.	8.0	28.6	63.4	3.8
10.	Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của SV.	6.3	24.1	69.6	3.8
11.	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	4.5	23.2	72.3	3.9
12.	Các ứng dụng trực tuyến để truy cập Website,	7.1	25.0	67.9	3.8

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
	Internet phục vụ hiệu quả việc học tập của SV.				
13.	Cán bộ các Phòng/Khoa giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của SV. Nhân viên có thái độ phục vụ lịch sự và tôn trọng SV.	6.3	19.6	74.1	3.8
14.	Thông tin về đào tạo, học tập trên Website của Trường đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên.	6.3	20.5	73.2	3.8
15.	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, lựa chọn và học tập của SV.	4.5	24.1	71.4	3.8
16.	Chương trình đào tạo đáp ứng được những mong đợi của SV.	4.5	21.4	74.1	3.9
17.	Kiến thức có được từ chương trình học giúp cho SV tự tin về khả năng tìm việc làm sau khi ra trường.	6.3	20.5	73.2	3.9
18.	Học phí SV đóng vào tương xứng với chất lượng đào tạo nhận được.	4.5	25.0	70.5	3.8
19.	Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng của SV.	4.5	25.9	69.6	3.9
20.	Hài lòng của SV về chất lượng đào tạo cũng như môi trường học tập tại Trường.	5.4	21.4	73.2	3.9
TRUNG BÌNH		5.3	22.6	72.1	3.9

* **Ý kiến khác:** Có 12.5% (14/112) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV tương đối hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường.
- Giảng viên giảng dạy nhiệt tình, Cố vấn học tập thân thiện, hòa đồng, quan tâm đến SV các lớp, môi trường học tập rất tốt.
- Cần đầu tư, nâng cấp chất lượng CSVC, trang thiết bị phòng học, phòng thực hành như bàn, ghế, màn hình, máy chiếu, rèm, quạt, âm thanh, ánh sáng, máy tính,...
- Cần đầu tư, nâng cấp Thư viện Trường hiện đại, bổ sung thêm nhiều bài giảng, tài liệu chuyên ngành, sách chuyên khảo, học liệu điện tử phong phú cho Sinh viên tham khảo, học tập và NCKH. Nên mở cửa Thư viện nhiều hơn vào cả thứ bảy và chủ nhật cho SV mượn sách, học tập và nghiên cứu.

7.9. Tỷ lệ Mức độ hài lòng chung của Sinh viên các Khoa

Tỷ lệ Mức độ hài lòng chung của SV các Khoa đánh giá sự hài lòng về chất lượng đào tạo của Trường như sau:

STT	SV Khoa	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	Y Dược	10.4	39.3	50.3	3.4
2.	Nông Lâm nghiệp	1	27.7	71.3	3.9
3.	Kinh tế	5.2	26.3	68.5	3.8
4.	Sư phạm	3.1	25.8	71.1	3.9
5.	Lý luận Chính trị	0	17.2	82.8	4
6.	Ngoại ngữ	5	34.2	60.8	3.7
7.	Chăn nuôi Thú y	4.1	28.2	67.7	3.8
8.	Khoa học TN-CN	5.3	22.6	72.1	3.9
TRUNG BÌNH		4.2	27.7	68.1	3.8

8. Nhận xét chung

Thực hiện khảo sát lấy ý kiến của SV năm cuối đánh giá chất lượng đào tạo của CSGD trước khi tốt nghiệp tại Trường để biết được nhu cầu, nguyện vọng của người học nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo.

Những thông tin do SV cung cấp sẽ góp phần quan trọng vào việc đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo, của đội ngũ giảng viên, hệ thống cơ sở vật chất, Thư viện và thái độ phục vụ của viên chức trong Trường. Qua đây, Trường có thêm những căn cứ khoa học để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của GV, đầu tư thêm cơ sở vật chất, nâng cấp Thư viện, phục vụ người học trong quá trình đào tạo tốt hơn, nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của xã hội.

Sinh viên các ngành, các Khoa đánh giá chất lượng đào tạo của Trường có mức độ không hài lòng trung bình là 4.2%, bình thường là 27.7%, tỷ lệ hài lòng là 68.1%. Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 3.8.

Kết quả khảo sát cho thấy Trường đang có những nỗ lực nhất định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu hội nhập trong giai đoạn mới. Báo cáo là minh chứng để công khai tới các đơn vị, các bên liên quan, có số liệu phục vụ công tác BDCLGD, tự đánh giá và đánh giá ngoài.

9. Kiến nghị

- Trường cần đầu tư nâng cấp thêm cơ sở vật chất như phòng học, phòng thực hành, máy tính, máy chiếu, quạt, âm thanh, ánh sáng, mạng Internet, Thư viện, nhà để xe, xây Cảng tin,...để phục vụ tốt hơn nhu cầu của SV và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Điều chỉnh phong cách, thái độ phục vụ của viên chức các đơn vị nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong xu thế hội nhập.

- Các đơn vị trong Trường căn cứ kết quả khảo sát để có kế hoạch rà soát, cải tiến, nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo.

Noi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các Khoa, các đơn vị (để biết và cải tiến);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu: QLCL.

TRƯỞNG PHÒNG

TH.S. Huynh Văn Quốc